TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK GLEI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2025/QĐST- DS	*Đăk Glei, ngày 18 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST–DS ngày 18 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L

Địa chỉ: Tòa nhà LPB Tower, số 210 T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Tổng giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T – Giám đốc Ngân hàng TMCP L– Chi nhánh K

Địa chỉ: Số 72 L, phường Q, thành phố K, tỉnh K

- Người được ủy quyền lại:

+ Ông Nguyễn Thái K – Trưởng bộ phận Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K - Phòng giao dịch Đ

Địa chỉ: Thôn 16/5 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K

+ Ông Nguyễn Thế V– Chuyên viên Xử lý nợ - Phòng Xử lý nợ - Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K

+ Ông Trần Anh T - Chuyên viên Xử lý nợ - Phòng Xử lý nợ - Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K

Địa chỉ: Số 72 L, phường Q, thành phố K, tỉnh K

(Theo Giấy ủy quyền số:31/2025/UQ –KT ngày 07/3/2025 của Giám đốc Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K)

- Bị đơn: Ông A T và bà Y Th

Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:

Các đương sự công nhận bị đơn ông A T và bà Y Th còn nợ nguyên đơn Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Đ theo các Hợp đồng tín dụng số HDTD90C202360 ngày 27/02/2023, Hợp HDTD90C2023262 ngày 21/9/2023 và các Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 90C202360/01 ngày 27/02/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 90C2023262/01 ngày 22/9/2023 với số tiền tạm tính đến ngày 10/3/2025 là 616.936.128 đồng. Trong đó dư nợ gốc là 500.306.192 đồng; lãi quá hạn là 14.862.717 đồng; lãi phạt gốc quá hạn là 100.308.016 đồng; lãi phạt lãi quá hạn là 1.459.203 đồng.

Chậm nhất đến ngày 20/4/2025, bị đơn ông A T và bà Y Th phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Đ toàn bộ số tiền nêu trên và nợ lãi phát sinh từ ngày 11/3/2025 cho đến ngày bị đơn ông A T và bà Y Thtrả hết số nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Đ.

Kể từ ngày các đương sự có thỏa thuận trả nợ và nguyên đơn Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông A T và bà Y Th chậm trả số tiền nói trên thì phải trả lãi phát sinh đối với số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp, khi đến hạn mà bị đơn ông A T và bà Y Th không trả nợ hoặc chỉ trả một phần khoản nợ hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đúng cam kết thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bị đơn ông A T và bà Y Th để thu hồi nợ theo quy định, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12 tại Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CK 441234 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh K cấp ngày 14/11/2017 cho ông A T và bà Y Th.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 5 tại Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CI 361314 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh K cấp ngày 04/10/2017 cho ông A T và bà Y Th.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 5 tại Thôn Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DA 714795 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh K cấp ngày 11/3/2022 cho ông A T và bà Y Th.

Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn ông A T và bà Y Th có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Đ.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 và Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn ông A T và bà Y Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.339.000 đồng *(Mười bốn triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng)*.

Bị đơn ông A T và bà Y Th phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Đ số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.507.000 đồng *(Mười ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0002465 ngày 15/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Glei;
- Chi cục THADS huyện Đăk Glei;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Y Trinh